

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Ngọc Thúy

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ PP HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Ngọc Thúy

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Ngọc Thúy

Mã SV: 1412401372

Lớp: QT1807K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao Bi PP

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp lớn.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp lớn.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
 - Hệ thống kế toán liên quan đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, sử dụng số liệu năm 2015.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng
 - Địa chỉ: 263 Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 8 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 2 tháng 1 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày... tháng ... năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:.....
- Điểm chữ:.....

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP LỚN	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp lớn.....	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :.....	2
1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:.	2
1.1.2.1. Doanh thu :.....	2
1.1.2.2. Chi phí :.....	10
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh :	11
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh :	12
1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :.....	13
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu :.....	13
1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ :.....	13
1.2.1.2. Chứng từ sử dụng :.....	14
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán :.....	15
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	16
1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.....	16
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng :.....	17
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng :.....	17
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :	18
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng :.....	18
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng :.....	19
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính :...	21
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng :.....	21
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng :.....	21
1.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	21
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	23

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng :.....	23
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	23
1.2.5.3. Quy trình hạch toán.....	23
1.2.6. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh:	25
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng :.....	25
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng :.....	25
1.2.6.2. Quy trình hạch toán :.....	26
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP HẢI PHÒNG	28
2.1 Tổng quan về công ty cổ phần bao bì PP Hải Phòng.	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển :	28
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất sản phẩm bao bì từ chất dẻo và bao bì giấy, kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành Bao bì chất dẻo và bao bì giấy.	29
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty :.....	29
2.1.4. Cơ cấu tổ chức :.....	30
2.1.5. Tổ chức kế toán của công ty :	32
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	32
2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán của công ty :	32
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng :	35
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần bao bì PP Hải Phòng:...	35
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng :.....	35
2.2.1.1. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng :.....	35
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	41
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	41
2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.....	41
2.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.	41
2.2.3.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	41
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	47
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	47
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	47
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	57
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	57

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	57
2.2.6. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác.	63
2.2.6.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác :.....	63
2.2.6.2. Kế toán chi phí hoạt động khác :.....	63
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	69
2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	69
2.2.7.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....	69
Chương 3 : GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY	80
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng :.....	80
3.1.1. Ưu điểm :.....	80
3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :.....	80
3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...	81
3.1.2. Nhược điểm :.....	82
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng.....	82
3.3.1. Giải pháp 1: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.	82
3.3.2. Giải pháp 2 :Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán :	82
3.3.3. Giải pháp 3:Về việc ứng dụng phần mềm vào công tác kế toán :	84
KẾT LUẬN	85

LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một trong những thực tiễn quan trọng nhất trong quản lý kinh tế. Mỗi nhà đầu tư hay một cơ sở kinh doanh cần phải dựa vào công tác kế toán để biết tình hình và kết quả kinh doanh.

Hiện nay nước ta đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Công tác quản lý kinh tế đang đứng trước yêu cầu và nội dung quản lý có tính chất mới mẻ, đa dạng và không ít phức tạp. Là một công cụ thu thập xử lý và cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế cho nhiều đối tượng khác nhau bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp nên công tác kế toán cũng trải qua những cải biến sâu sắc, phù hợp với thực trạng nền kinh tế. Việc thực hiện tốt hay không tốt đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý.

Công tác kế toán ở công ty có nhiều khâu, nhiều phần hành, giữa chúng có mối liên hệ, gắn bó với nhau tạo thành một hệ thống quản lý có hiệu quả. Mặt khác, tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý là một trong những cơ sở quan trọng trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Qua quá trình học tập môn kế toán doanh nghiệp sản xuất và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng, đồng thời được sự giúp đỡ tận tình của thầy cô giáo cũng như các anh chị kế toán của Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng. Em đã chọn đề tài : **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng”**

Đề tài gồm 3 nội dung chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp lớn.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng.

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1 :

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP LỚN**

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp lớn.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :

Đối với mỗi doanh nghiệp tổ chức công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là nhân tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là : “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không ? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không ? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận ?”. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu và chi phí hợp lý. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thông qua số liệu mà kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cung cấp, các ban hàng của doanh nghiệp biết được khả năng mua - dự trữ - bán các mặt hàng của doanh nghiệp để từ đó có quyết định đầu tư, cho vay vốn hoặc có quan hệ làm ăn với doanh nghiệp.

Ngoài ra, từ các số liệu trên báo cáo tài chính mà kế toán xác định kết quả kinh doanh cung cấp, nhà nước nắm được tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó thực hiện chức năng quản lý kiểm soát vĩ mô nền kinh tế, đồng thời nhà nước có thể kiểm tra việc chấp hành về kinh tế tài chính và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1.1.2.1. Doanh thu :

a. Khái niệm :

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

b. Các loại doanh thu :

Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính và các thu nhập khác.

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : bán sản phẩm,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng :

Chỉ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng gồm doanh thu bán hàng ra ngoài và doanh thu bán hàng nội bộ.

Doanh nghiệp phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua trong từng trường hợp cụ thể. Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hóa cho người mua.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận. Doanh nghiệp còn phải chịu rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

(a) Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường;

(b) Khi việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua hàng hóa đó;

(c) Khi hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành;

(d) Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nếu doanh nghiệp chỉ còn phải chịu một phần nhỏ rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì việc bán hàng được xác định và doanh thu được ghi nhận. Ví dụ doanh nghiệp còn nắm giữ giấy tờ về quyền sở hữu hàng hóa chỉ để đảm bảo sẽ nhận được đủ các khoản thanh toán.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Trường hợp lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng còn phụ thuộc yếu tố không chắc chắn thì chỉ ghi nhận doanh thu khi yếu tố không chắc chắn này đã xử lý xong (ví dụ, khi doanh nghiệp không chắc chắn là Chính phủ nước sở tại có chấp nhận chuyển tiền bán hàng ở nước ngoài về hay không). Nếu doanh thu đã được ghi nhận trong trường hợp chưa thu được tiền thì khi xác định khoản tiền nợ phải thu này là không thu được thì phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà không được ghi giảm doanh thu. Khi xác định khoản phải thu là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí, bao gồm cả chi phí phát sinh sau ngày giao hàng (như chi phí bảo hành và chi phí khác), thường được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn. Các khoản tiền nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu mà được ghi nhận là một khoản nợ phải trả tại thời điểm nhận tiền trước của khách hàng. Khoản nợ phải trả về số tiền nhận trước của khách hàng chỉ được ghi nhận là doanh thu khi đồng thời thỏa mãn năm 5 điều kiện.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.
- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ :

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi được khoản doanh thu đã ghi nhận thì phải hạch toán vào chi phí mà không được ghi giảm doanh thu. Khi không chắc chắn thu hồi được một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Doanh nghiệp có thể ước tính doanh thu cung cấp dịch vụ khi thỏa thuận được với bên đối tác giao dịch những điều kiện sau:

- (a) Trách nhiệm và quyền của mỗi bên trong việc cung cấp hoặc nhận dịch vụ;

(b) Giá thanh toán;

(c) Thời hạn và phương thức thanh toán.

Để ước tính doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải có hệ thống kế hoạch tài chính và kế toán phù hợp. Khi cần thiết, doanh nghiệp có quyền xem xét và sửa đổi cách ước tính doanh thu trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

(a) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;

(b) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;

(c) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được, và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Trong giai đoạn đầu của một giao dịch về cung cấp dịch vụ, khi chưa xác định được kết quả một cách chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận bằng chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi được. Nếu chi phí liên quan đến dịch vụ đó chắc chắn không thu hồi được thì không ghi nhận doanh thu, và chi phí đã phát sinh được hạch toán vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Khi có bằng chứng tin cậy về các chi phí đã phát sinh sẽ thu hồi được thì doanh thu được ghi nhận theo quy định.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Chiết khấu thương mại* là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.
- *Hàng bán bị trả lại* là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.
- *Giảm giá hàng bán* là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.
- *Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp)*: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp chưa tính thuế GTGT sẽ xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế TTĐB*: là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đáng vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ Doanh thu thuần :

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như : thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu....
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cổ tức, lợi nhuận được chia..

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.
- Thu nhập chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu từ các thu nhập khác :

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm :

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí của kỳ trước là khoản nợ phải thu khó đòi, xác định là không thu hồi được, đã được xử lý xóa sổ và tính vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong các kỳ trước nay thu hồi được.

Khoản nợ phải trả nay mất chủ là khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ hoặc chủ nợ không còn tồn tại.

1.1.2.2. Chi phí :

a. Khái niệm :

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

b. Các loại chi phí :

❖ *Giá vốn hàng bán:*

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

❖ ***Chi phí quản lý kinh doanh:*** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

❖ ***Chi phí hoạt động tài chính:*** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ ***Chi phí khác:*** là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh :

a. Khái niệm :

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong một kì kế toán nhất định, hay kết quả kinh doanh là biểu hiện bằng tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Kết quả kinh doanh được biểu hiện bằng lãi (nếu doanh thu lớn hơn chi phí) hoặc lỗ (nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí)

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm :

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu				
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết quả hoạt động tài chính: số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}}$$

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh :

Để quản lý một cách tốt nhất đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không phân biệt doanh nghiệp đó thuộc thành phần nào, loại hình nào, loại hình sở hữu hay lĩnh vực hoạt động nào đều phải sử dụng đồng thời hàng loạt các công cụ khác nhau, trong đó kế toán được coi là một công cụ hữu hiệu. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, kế toán được sử dụng như một công cụ đặc lực không thể thiếu đối với mỗi doanh nghiệp cũng như đối với sự quản lý vĩ mô của nhà nước. Chính vì vậy kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Ghi chép đầy đủ kịp thời khối lượng thành phẩm hàng hoá dịch vụ bán ra và tiêu thụ nội bộ, tính toán đúng đắn trị giá vốn của hàng đã bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.
- Kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện, kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lý luận thanh toán, làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về tình hình bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

Như vậy công tác bán hàng và xác định kết quả bán hàng là công việc quan trọng của doanh nghiệp nhằm xác định số lượng và giá trị của lượng hàng hoá bán ra cũng như doanh thu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Song để phát huy được vai trò và thực hiện tốt các nhiệm vụ đã nêu trên đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán thật khoa học, hợp lý đồng thời cán bộ kế toán phải nắm vững nội dung của việc tổ chức tốt công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng.

1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu :

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ :

Một số phương thức chủ yếu mà doanh nghiệp hay sử dụng.

✓ *Tiêu thụ hàng hóa theo phương thức xuất kho gửi hàng đi bán :*

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng (hàng hóa) gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

✓ *Tiêu thụ hàng hóa theo phương thức bên mua đến nhận hàng trực tiếp :*

Căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và hàng đó được xác định là tiêu thụ và được hạch toán vào doanh thu.

Chứng từ bán hàng trong phương thức này cũng là phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng, trên chứng từ bán hàng đó có chữ ký của khách hàng nhận hàng.

✓ *Tiêu thụ hàng hóa theo phương thức bán hàng giao thẳng (không qua kho):*

Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại. Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng của người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Như vậy, nghiệp vụ mua và bán xảy ra đồng thời. Trong phương thức này có thể chia thành hai trường hợp :

-Trường hợp bán hàng giao tay ba : tức là cả bên cung cấp (bên bán), doanh nghiệp và người mua cùng giao nhận hàng mua, bán với nhau. Khi bên mua hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nhận hàng và ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng thì hàng đó được xác định là tiêu thụ. Chứng từ bán hàng trong phương thức này là Hóa đơn bán hàng giao thẳng.

✓ **Phương thức bán hàng trả góp:**

Bán hàng trả góp là việc bán hàng thu tiền nhiều lần. Sản phẩm hàng hóa khi giao cho người mua thì được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần, số tiền thanh toán chậm phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định .

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng :

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng :

❖ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, tài khoản cấp 2 bao gồm:*

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng.
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118 – Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 511:

Nợ	TK511	Có
<ul style="list-style-type: none">• Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.• Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.• Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 511 không có số dư

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, tài khoản cấp 2 bao gồm :*

- TK 5211 - Chiết khấu thương mại
- TK 5212 - Hàng bán bị trả lại
- TK 5213 - Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521:

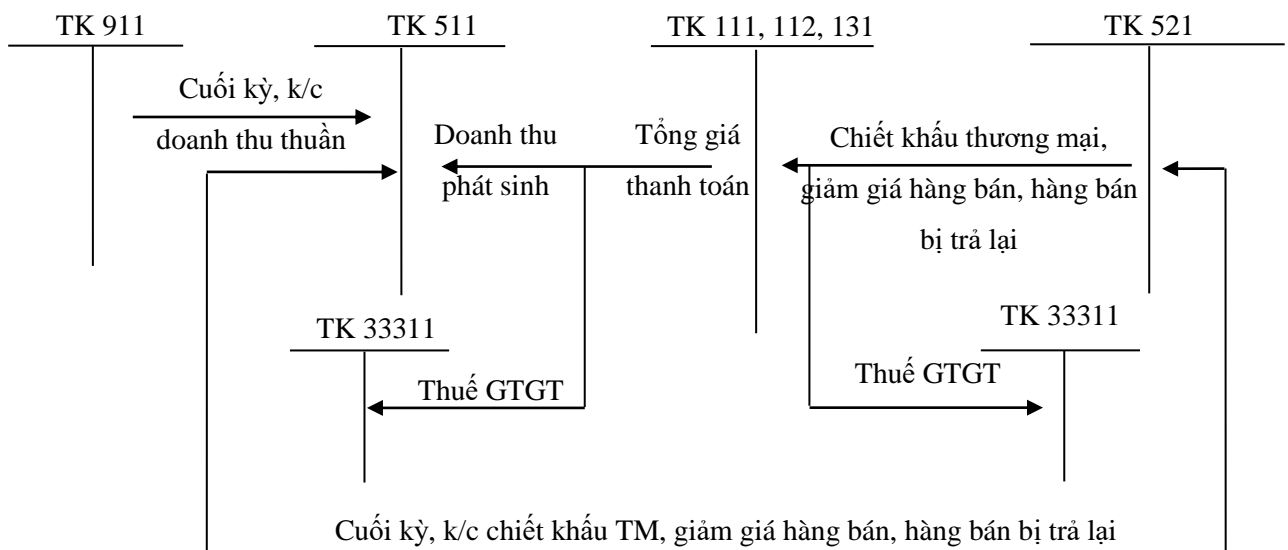
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH. • Trị giá hàng bán trả lại. • Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, trị giá hàng bán trả lại sang TK 511 để xác định DT thuần. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, trị giá hàng bán trả lại sang TK 511 để xác định DT thuần.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán :

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán được tính bằng một trong những phương pháp sau:

a. Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này hàng hoá nhập kho từng lô theo giá nào thì xuất kho theo giá đó không quan tâm đến thời gian nhập xuất phương pháp này phản ánh chính xác từng lô hàng xuất nhưng công việc rất phức tạp đòi hỏi thủ kho phải nắm được chi tiết từng lô hàng. Phương pháp này thường được áp dụng với hàng hoá có giá trị cao nhập theo lô và bảo quản riêng theo từng lô của mỗi lần nhập.

b. Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO) :

Phương pháp này dựa trên giả định hàng hoá nào nhập kho trước thì xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá mua thực tế hàng hoá xuất kho trong kỳ tính theo đơn giá mua thực tế nhập trước.

c. Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền

Theo phương pháp này hàng hoá xuất kho chưa ghi số, cuối tháng căn cứ vào số tồn đầu kỳ và số nhập trong kỳ kế toán tính được giá bình quân của hàng hoá theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Trị giá mua thực tế của hàng hoá xuất kho} &= \text{số lượng hàng hoá xuất kho} * \text{đơn giá thực tế bình quân} \\ \text{Đơn giá thực tế bình quân cả kỳ} &= \frac{\text{Giá trị mua thực tế hàng tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn trong kỳ}} + \frac{\text{Giá mua thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Giá trị mua thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng :

Đối với nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632:

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none">• Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.• Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	<ul style="list-style-type: none">• K/c giá vốn hàng bán bị trả lại.• Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.• K/c giá vốn hàng bán vào TK 911.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

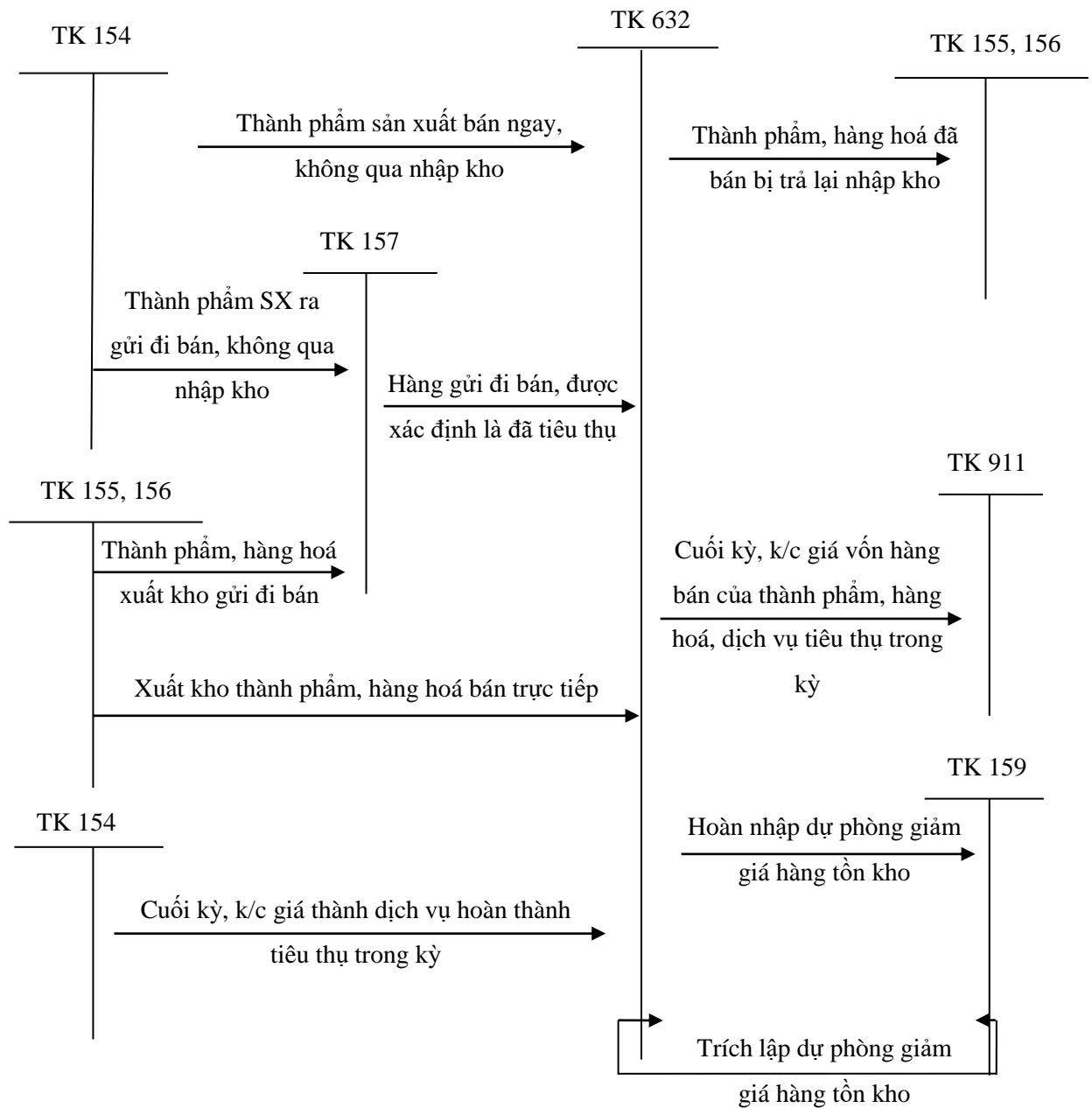
TK 632 không có số dư

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán :

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát qua sơ đồ 1.2

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng :

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng :

- TK 641 - Chi phí bán hàng
- TK642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 641 và 642:

Nợ	TK 641, 642	Có
<ul style="list-style-type: none">• Tập hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.	<ul style="list-style-type: none">• Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	
Σ Số phát sinh bên Nợ	Σ Số phát sinh bên Có	

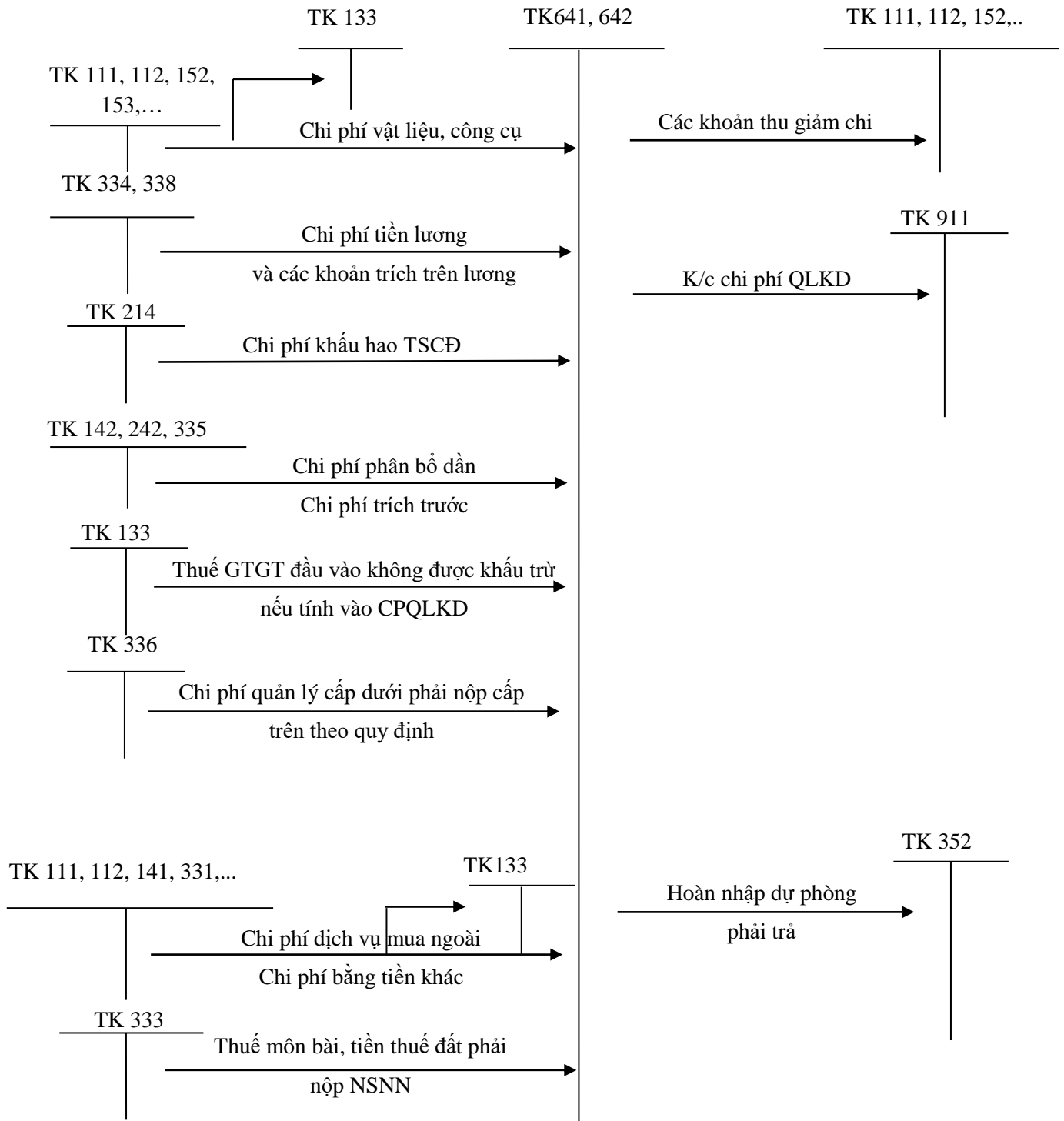
TK 641, 642 không có số dư

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán :

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát qua sơ đồ 1.3

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính :

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng :

- Giấy bảo lãnh, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng :

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515:

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911.		<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none">- Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.		<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

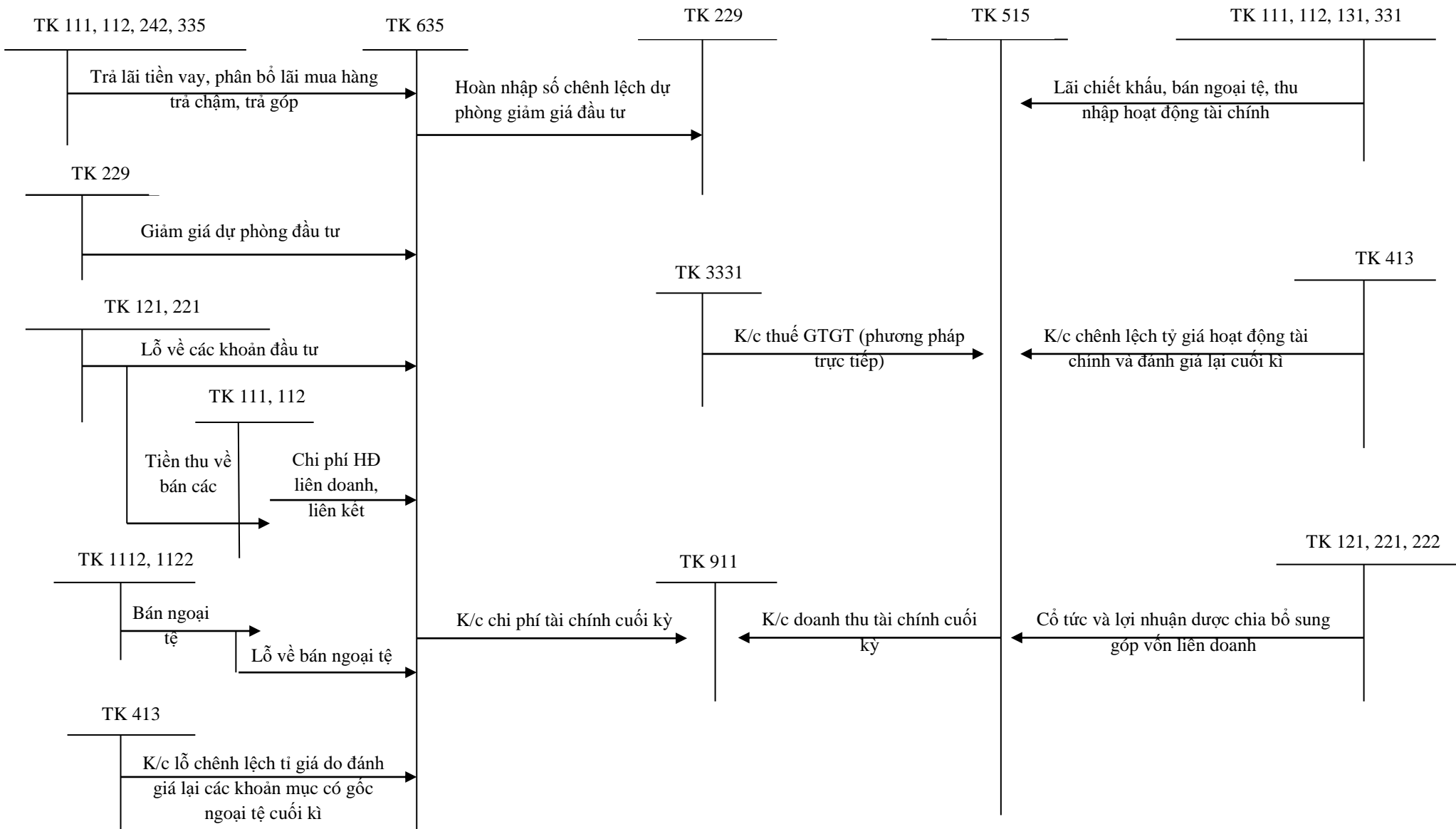
TK 635 không có số dư

1.2.4.3. Quy trình hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu tài chính và hoạt động tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911.	-	Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ	-	Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

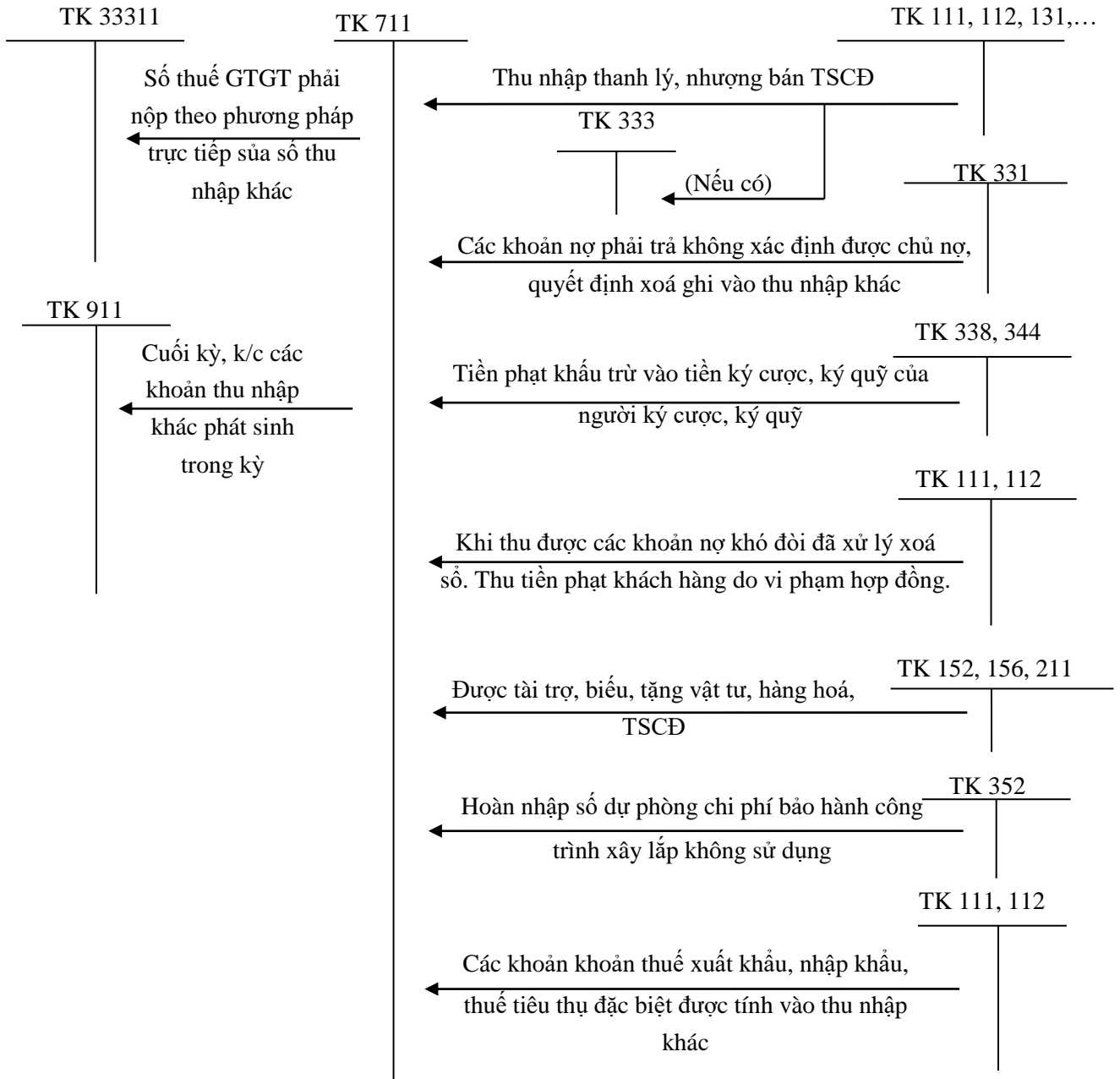
TK 811 không có số dư

1.2.5.3. Quy trình hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác được khái quát qua sơ đồ 1.5

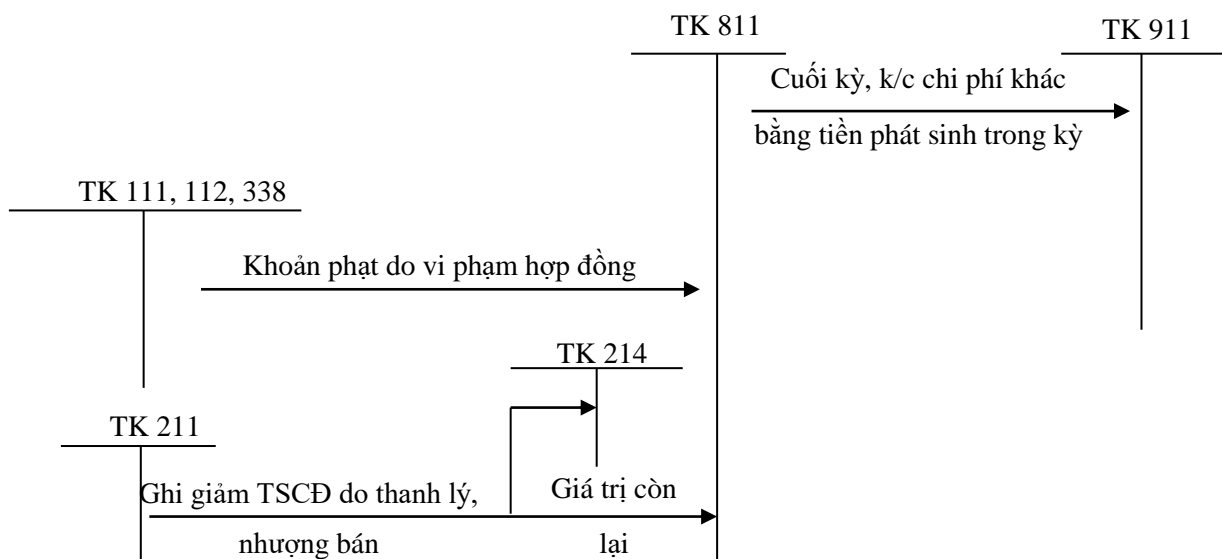
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh:

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng :

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLKD, CP hoạt động tài chính, CP khác). - Kết chuyển lãi. - Kết chuyển CP thuế TNDN. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm :

- TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.- Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn.- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.- Nộp lợi nhuận lên cấp trên	<ul style="list-style-type: none">- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ- Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.- Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	<ul style="list-style-type: none">- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

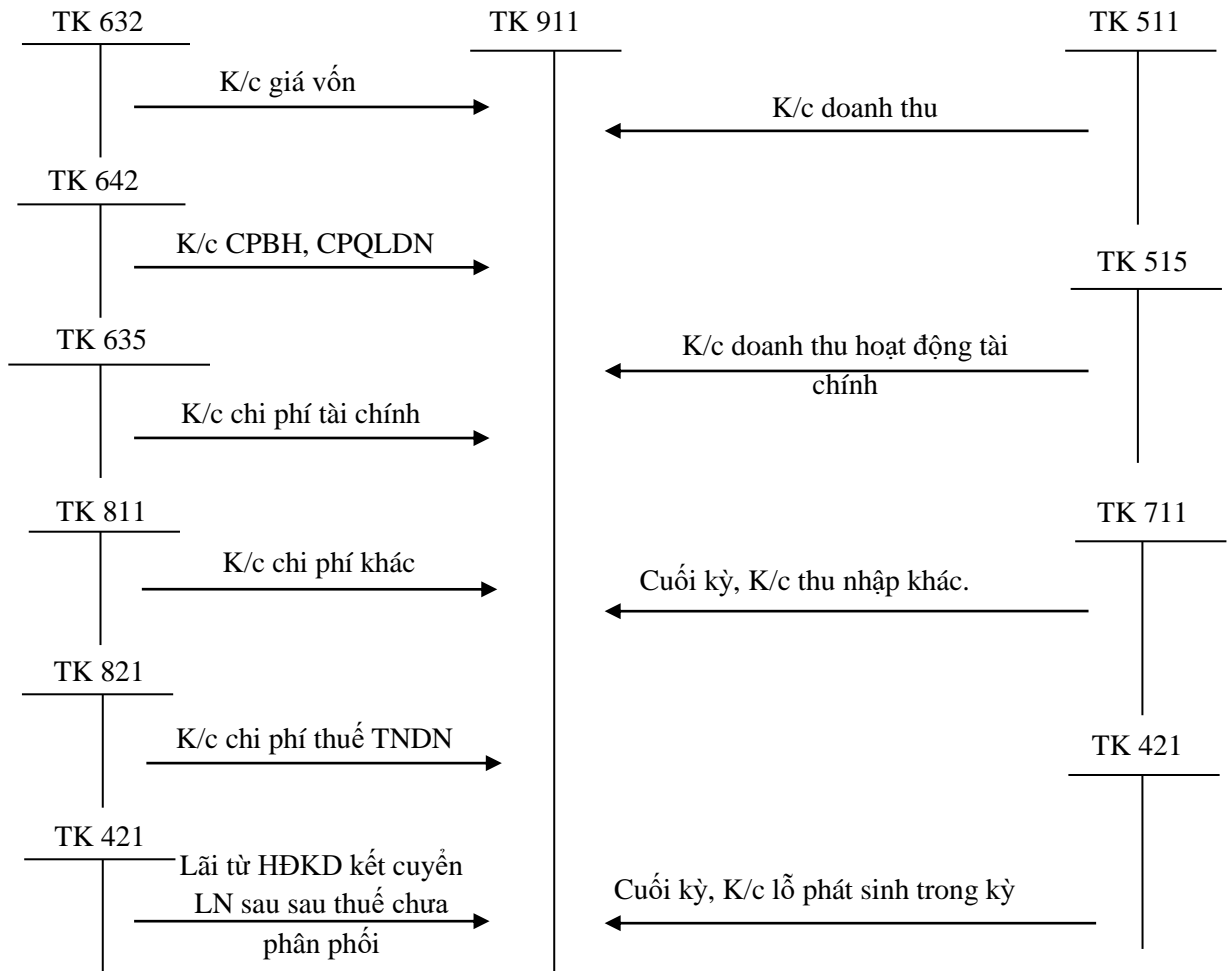
TK 821 không có số dư

1.2.6.2. Quy trình hạch toán :

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.6

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



Chương 2 :

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP HẢI PHÒNG**

2.1 Tổng quan về công ty cổ phần bao bì PP Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển :

Sự sụp đổ của hệ thống Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu đã tác động trực tiếp và ảnh hưởng sâu sắc vào đời sống kinh tế - xã hội - chính trị ở nước ta. Xí nghiệp gỗ quốc doanh 6/1 chuyên sản xuất các mặt hàng xuất khẩu như ghé vua, ghé mây... để xuất khẩu sang Đông Âu, thị trường cũng chịu sự ảnh hưởng đó. Mất thị trường tiêu thụ hàng loạt sản phẩm sản xuất ra bị tồn kho, nợ ngân hàng không trả được, nhà xưởng dột nát, máy móc lạc hậu lỗi thời... hàng không đủ sức cạnh tranh ở thị trường trong nước. Đứng trước tình hình đó, lãnh đạo xí nghiệp đã xây dựng chiến lược mới : chuyển hướng kinh doanh mặt hàng mới. Vấn đề đặt ra là sản xuất cái gì ? Sản xuất cho ai ? Sản xuất như thế nào ?

Để trả lời được câu hỏi đó lãnh đạo xí nghiệp đã đi sâu vào thực tế để nghiên cứu tìm hiểu thị trường và sản phẩm mới. Qua quá trình tìm tòi nghiên cứu đã thấy được nhu cầu về bao bì đựng xi măng, hóa chất, gạo xuất khẩu phục vụ cho các công ty xi măng, công ty phân bón,... để phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước là rất lớn. Do đó, việc kinh doanh mặt hàng bao bì PP rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Ngày 05/11/1991 lãnh đạo xí nghiệp đã chính thức được UBND Thành phố Hải Phòng phê duyệt luận chứng kinh tế cho việc đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất bao bằng sợi PP dệt tròn có tráng in của hãng STARLINGER nước Áo theo quyết định số 1034/QĐ-UB.

Ngày 14/1/1993 chủ tịch UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định thành lập doanh nghiệp mới tại quyết định số 69/QĐ-TCCQ và lấy tên “Nhà máy bao bì PP” và quy định nhà máy bao bì PP là đơn vị quốc doanh.

Ngày 14/3/2003 Chủ tịch UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định số 815/QĐ-UB về việc chuyển nhà máy bao bì PP thành “Công ty cổ phần bao bì PP” theo hình thức bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp với phát hành cổ phiếu để thành lập công ty cổ phần.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh : PP Packing Foint Stock Company

Tên viết tắt : HAIPAC.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trụ sở chính : Số 263 Trần Nguyên Hãn - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành Phố Hải Phòng.

Điện thoại : 84 (31) 3783922 - 3856268

Fax: +84 (31) - 3835506

Website : <http://www.haipacpp.com>

Mã cổ phiếu : HPB

Đăng kí kinh doanh số 0203000436 ngày 21/4/2003 do phòng đăng kí kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch - Đầu Tư Thành Phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ : 38.800.000.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu : 46.593.000.000 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định : 93.375.000.000 đồng.

Năm 2007 Công ty góp 5.6 tỷ đồng thành lập Công ty Cổ phần bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch. Số vốn góp thêm chiếm 31,11% trên vốn điều lệ.

Công suất hiện tại của Công ty : 60.000.000.000 bao/năm.

Hệ thống thiết bị : 04 dây chuyền hoàn chỉnh với 100 máy dệt 4 thoi, 6 thoi, 8 thoi,... Thiết bị được nhập khẩu từ Châu Âu, công nghệ của Áo.

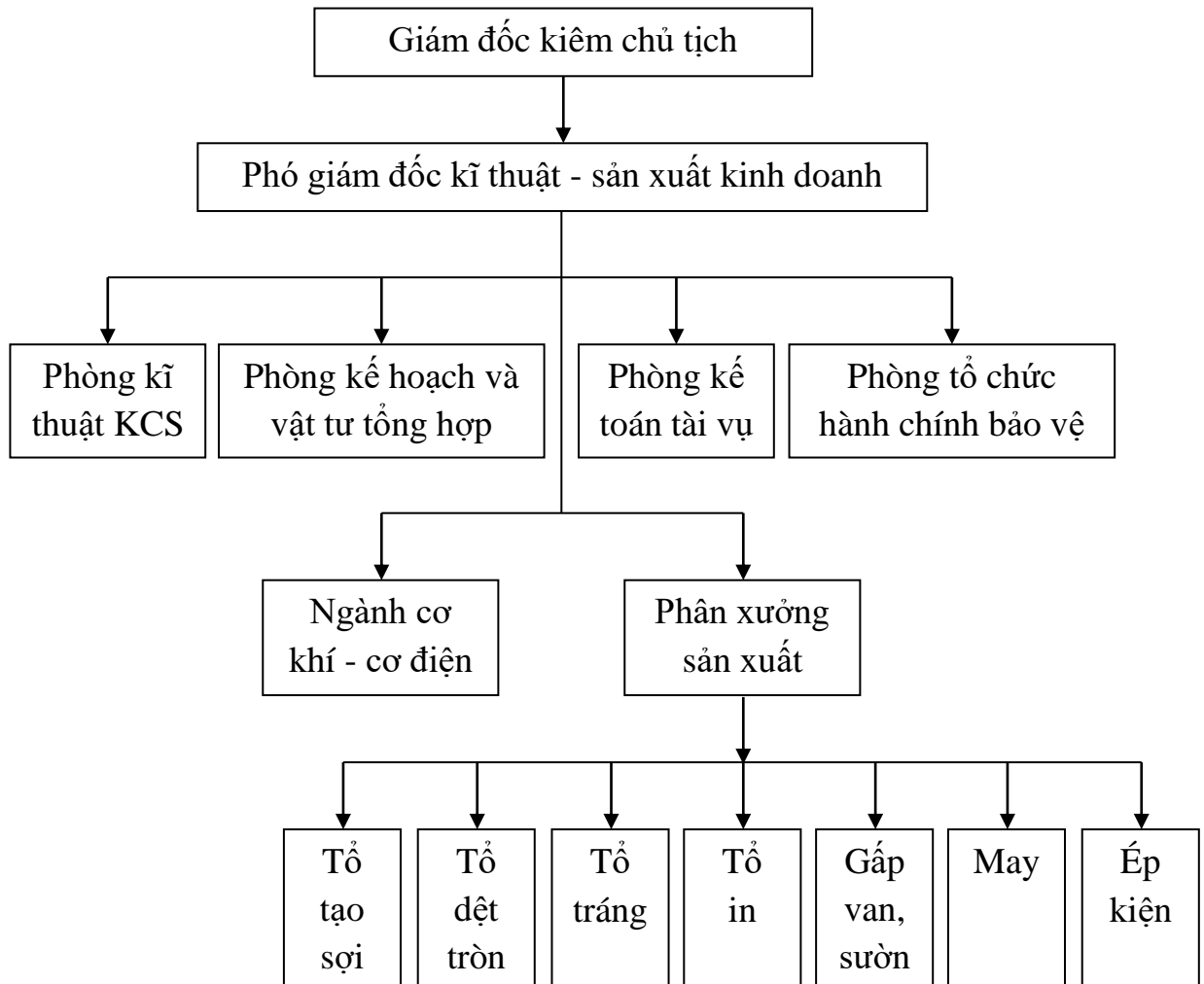
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất sản phẩm bao bì từ chất dẻo và bao bì giấy, kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành Bao bì chất dẻo và bao bì giấy.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty :

- ✓ Nhiệm vụ chủ yếu của công ty là sản xuất kinh doanh bao bì PP có tráng hoặc không tráng, có in hoặc không in, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước.
- ✓ Xây dựng và tổ chức tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.
- ✓ Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và không ngừng tăng trưởng vốn. Chấp hành tốt các chế độ tài chính của nhà nước, đồng thời làm tốt nghĩa vụ đối với ngân sách, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho công nhân nhà máy.
- ✓ Thực hiện tốt mọi cam kết đã kí trong hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng với các tổ chức trong mọi thành phần kinh tế.
- ✓ Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, thực hiện phân phối theo lao động. Không ngừng đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của mỗi thành viên trong nhà máy.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức :

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty



(Nguồn : Phòng hành chính công ty Cổ phần Bao bì PP)

- **Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT** : là người chỉ huy cao nhất, chịu trách nhiệm mọi mặt về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và sử dụng có hiệu quả các yếu tố của quá trình sản xuất, cải thiện và không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong công ty.

- **Phó giám đốc kỹ thuật - sản xuất kinh doanh** : là người được giám đốc ủy quyền cao nhất trong việc tổ chức và điều hành quản trị doanh nghiệp từ khâu tổ chức sản xuất đến quá trình sản xuất trực tiếp tạo ra sản phẩm. Phụ trách trực tiếp các lĩnh vực nghiệp vụ, kinh tế, kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, kiểm tra quyết toán vật tư, tài chính và công tác nội chính, thanh tra.

- **Các trưởng phòng** : có trách nhiệm báo cáo và đề xuất tham gia ý kiến trong quá trình quản lý kinh doanh và hoạt động nghiệp vụ của đơn vị.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Dưới đây là nhiệm vụ cụ thể của từng phòng - ban, phân xưởng sản xuất trong công ty :

- **Phòng tổ chức hành chính bảo vệ** : tham mưu cho giám đốc các mặt công tác tổ chức và quản lý cán bộ công nhân viên về các vấn đề thuộc chủ trương chính sách, chế độ của người lao động. Điều hành nhân sự, tổ chức đào tạo cán bộ... Xây dựng kế hoạch chi phí tiền lương cho công ty, thực hiện hướng dẫn công tác an toàn lao động và quyền lợi của từng người. Nghiên cứu các hình thức tổ chức lao động thích hợp và chăm lo phục vụ hành chính quản trị, bảo vệ tài sản hàng hóa.

- **Phòng kế hoạch vật tư tổng hợp** : tham mưu giúp giám đốc trong công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, quản lý kho. Kiểm tra việc sử dụng tiết kiệm vật tư, định mức vật liệu tiêu dùng, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm và nâng cao doanh lợi cho công ty.

- **Phòng kế hoạch tài vụ** : cung cấp đầy đủ toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế, tài chính của công ty nhằm giúp giám đốc - chủ tịch hội đồng quản trị điều hành và quản lý các hoạt động kinh tế tài chính đạt hiệu quả cao. Có nhiệm vụ xây dựng phương án về tài chính, quản lý vốn, phản ánh các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Tính toán và trích nộp đầy đủ kịp thời các khoản nộp ngân sách, theo dõi và quản lý vật tư hàng hóa, đôn đốc thực hiện thanh quyết toán công nợ, lập báo cáo quyết toán của công ty theo định kỳ và thực hiện các chế độ, thể lệ tài chính kế toán.

- **Phòng kỹ thuật KCS** : giúp giám đốc trong việc định mức vật tư và kiểm tra kỹ thuật, đôn đốc hướng dẫn các phòng ban, phân xưởng thực hiện mọi biện pháp nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy trình kỹ thuật công nghệ của công ty. Trực tiếp tham gia quản lý máy móc, nghiên cứu và đầu tư chiều sâu... tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất có chất lượng và hiệu quả cao nhất.

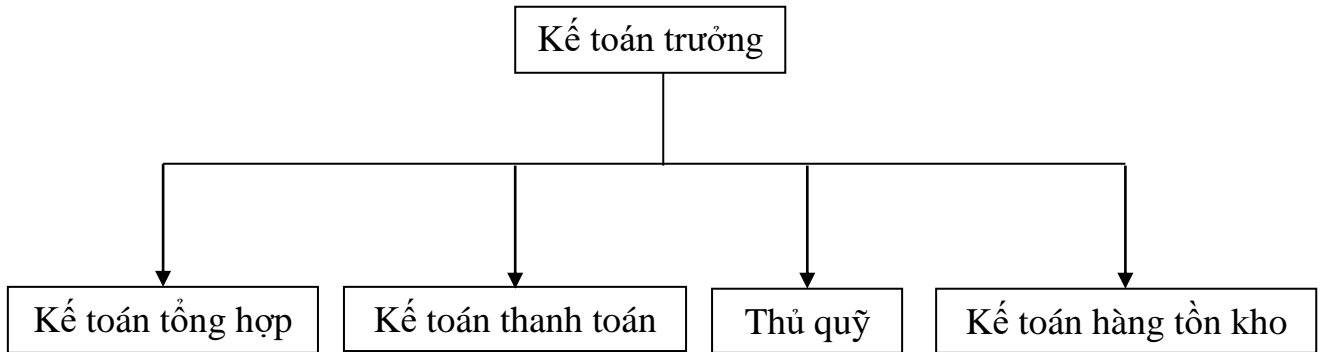
- **Ngành cơ khí điện** : thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị nhằm đảm bảo cho các máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất hoạt động bình thường về cơ cũng như về điện.

- **Phân xưởng sản xuất** : bao gồm các tổ : tạo sợi, dệt, tráng... dưới sự chỉ đạo trực tiếp của phòng kế hoạch để sản xuất các loại bao theo yêu cầu của khách hàng.

2.1.5. Tổ chức kế toán của công ty :

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



(Nguồn : Phòng hành chính bảo vệ công ty Cổ phần Bao bì PP)

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận :

- **Kế toán trưởng** : có nhiệm vụ phụ trách chung công tác kế toán của công ty, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các nhân viên làm đúng theo chế độ kế toán của nhà nước và công ty quy định, tham mưu cho giám đốc trong công việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty, phân tích kết quả kinh doanh, phân tích giá thành sản phẩm từ đó đề ra các biện pháp khắc phục.
- **Kế toán tổng hợp** : có nhiệm vụ tổng hợp tất cả các số liệu được cập nhật từ các chứng từ gốc hoặc các chứng từ có liên quan. Dựa vào số liệu tổng hợp có được để hạch toán tiêu thụ và tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh.
- **Kế toán hàng tồn kho** : có trách nhiệm theo dõi về mặt số lượng, giá trị thực tế, một cách kịp thời chính xác, phản ánh đúng quy trình xuất nhập vật tư, hàng hóa, để phản ánh lên kế toán trưởng.
- **Kế toán thanh toán** : có nhiệm vụ theo dõi tình hình công nợ, mua, bán hàng hóa theo dõi tiền gửi, thanh toán nộp, rút tiền mặt hay làm thủ tục vay vốn ngân hàng, lập chứng từ thu chi.
- **Thủ quỹ** : quản lý tiền mặt, thực hiện việc thu, chi tiền mặt khi có chứng từ, hóa đơn thanh toán hợp lý, hợp lệ.

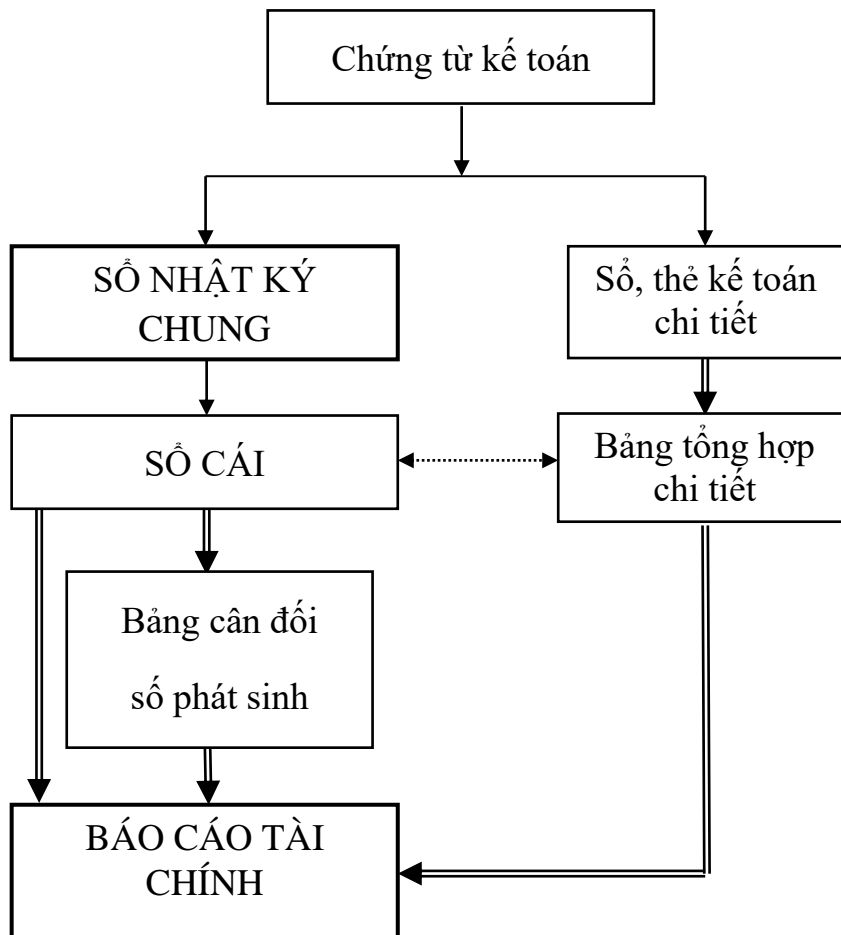
2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán của công ty :

Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VND).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Hình thức kế toán : Nhật Ký Chung.
- Phương pháp hạch toán và nộp thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Phương pháp giá thực tế đích danh.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng
- Hệ thống báo cáo kế toán: Kế toán tổng hợp làm các báo cáo kế toán theo quý gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.
- Hệ thống sổ sách của công ty: Để theo dõi các quá trình kế toán, phòng kế toán theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ cái bằng phương pháp thủ công trên bảng biểu Excel.
- Trình tự ghi sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Bao bì PP :



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ◄.....> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hình thức ghi sổ kế toán được áp dụng tại công ty cổ phần bao bì PP Hải Phòng là hình thức Nhật ký chung. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.3) với quy trình sổ kế toán được thực hiện như sau:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết, ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó sau đó căn cứ vào các số liệu ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Khi mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng :

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần bao bì PP Hải Phòng:

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng là phương thức trực tiếp.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng :

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng),... và các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng*

2.2.1.1. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng :

Tài khoản sử dụng : TK 511 “ Doanh thu bán hàng”

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan: TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

Sổ sách sử dụng: sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

Ví dụ 2.1 : Ngày 8/1/2015: Bán bao bì thức ăn cho heo theo đơn đặt hàng của công ty TNHH CARGILL VIỆT NAM tại Hưng Yên trị giá 78.000.000 đồng (thuế GTGT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản. Trị giá vốn của lô hàng là 48.100.000 đồng.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 112 : 85.800.000

Có TK 511 : 78.000.000

Có TK 3331 : 7.800.000

Nợ TK 632 : 48.100.000

Có TK 155 : 48.100.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT0004943(biểu số 2.1), phiếu thu số 21 (biểu số 2.2).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.4**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.5**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 0004943 ngày 8/1/2015

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: GT/13P																
Ngày 8 tháng 01 năm 2015			Số: 0004943																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP Hải Phòng.																			
Mã số thuế: 0200545032																			
Địa chỉ: 263 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân - HP. Điện thoại: 0313.856 268																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Kim Loan																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH CARGILL VIỆT NAM tại Hưng Yên																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	9	0	0	8	3	2	3	4	6				
0	9	0	0	8	3	2	3	4	6										
Địa chỉ: KCN Phố Nối A, X.Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.																			
Hình thức thanh toán : Tiền mặt. Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Bao bì thức ăn cho heo	cái	13000	6000	78.000.000														
Cộng tiền hàng					78.000.000														
Thuế GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT	7.800.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					85.800.000														
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi năm triệu tám trăm ngàn đồng chẵn./.																			
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị															
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT số 0004967 ngày 9/1/2015

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 9 tháng 01 năm 2015			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: GT/13P Số: 0004967																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP Hải Phòng. Mã số thuế: 0200545032 Địa chỉ: 263 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân - HP. Điện thoại: 0313.856 268 Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Trần Hải Châu. Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Xi măng X18. Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">-</td> </tr> </table>						5	4	0	0	2	5	3	1	8	8	-	-	-	-
5	4	0	0	2	5	3	1	8	8	-	-	-	-						
Địa chỉ: Xã Ngọc Lương - Huyện Yên Thủy - Hòa Bình. Hình thức thanh toán : Tiền mặt. Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Bao bì xi măng	cái	30000	5000	150.000.000														
Cộng tiền hàng					150.000.000														
Thuế GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT	15.000.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					165.000.000														
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn./.																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4 : Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
.....
8/1	PT21	8/1	Bán hàng cho công ty TNHH Cargill Hưng Yên.			112	85.800.000	
						511		78.000.000
						3331		7.800.000
						632	48.100.000	
						155		48.100.000
.....
9/1	PT22	9/1	Bán hàng cho công ty Cổ phần Xi măng X18.			131	165.000.000	
						511		150.000.000
						3331		15.000.000
						632	105.000.000	
						155		105.000.000
.....
			Cộng				522.887.098.155	522.887.098.155

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511:

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính : VND

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
8/1	PT21	8/1	Bán hàng cho công ty TNHH Cargill Hưng Yên.	112		78.000.000
.....
9/1	PT22	9/1	Bán hàng cho công ty Cổ phần Xi măng X18.	131		150.000.000
.....
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	248.747.668.840	
			Cộng SPS		248.747.668.840	248.747.668.840
			<u>Dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ và thực tế đích danh.

2.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao.
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các TK có liên quan khác.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.3: (tiếp theo ví dụ 2.1) Ngày 8/1/2015 : Bán bao bì thức ăn cho heo theo đơn đặt hàng của công ty TNHH CARGILL VIỆT NAM tại Hưng Yên trị giá 78.000.000 đồng (thuế GTGT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản. Trị giá vốn của lô hàng là 11.100.000 đồng.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 112 : 85.800.000

Có TK 511 : 78.000.000

Có TK 3331 : 7.800.000

Nợ TK 632 : 48.100.000

Có TK 155 : 48.100.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 0012 (**biểu số 2.6**) và biên bản bàn giao, kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.8**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.9**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6 : Phiếu xuất kho ngày 8/1/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 8 tháng 1 năm 2015

Số 0012

Nợ 632

Có 155

- Họ và tên người nhận hàng : Trần Hữu Công
- Lý do xuất kho : xuất bán theo đơn hàng của công ty CARGILL Hưng Yên.
- Xuất tại kho: 02 địa điểm: Công ty cổ phần bao bì PP 263 Trần Nguyên Hãn HP.

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bao bì thức ăn cho heo		cái	13000	13000	3.700	48.100.000
	Cộng			13000	13000	3.700	48.100.000

- **Tổng số tiền (viết bằng chữ):** Bốn mươi tám triệu một trăm ngàn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1 biên bản bàn giao và 1 hóa đơn GTGT.

Ngày 8 tháng 1 năm 2015.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.4 : Ngày 9/1/2015 : Bán bao bì xi măng cho công ty Cổ phần Xi măng X18 trị giá 165.000.000 đồng (thuế GTGT 10%) chưa thanh toán. Trị giá vốn của lô hàng là 105.000.000 đồng.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 131 : 165.000.000

Có 511 : 150.000.000

Có 3331 : 15.000.000

Nợ TK 632 : 105.000.000

Có TK 155 : 105.000.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 0014 (**biểu số 2.7**) và biên bản bàn giao, kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.8**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.9**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7 : Phiếu xuất kho ngày 9/1/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 9 tháng 1 năm 2015

Số 0014

Nợ 632

Có 155

- Họ và tên người nhận hàng : Trần Văn Tiến.
- Lý do xuất kho : xuất hàng cho công ty Xi măng X18.
- Xuất tại kho: 02 địa điểm: Công ty cổ phần bao bì PP 263 Trần Nguyên Hãn HP.

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bao bì xi măng		cái	30000	30000	3.500	105.000.000
	Cộng			30000	30000	3.500	105.000.000

- **Tổng số tiền (viết bằng chữ):** Một trăm lẻ năm triệu đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 1 biên bản bàn giao và 1 hóa đơn GTGT.

Ngày 9 tháng 1 năm 2015.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8 : Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
.....
8/1	P XK 0012	8/1	Trị giá vốn hàng xuất cho công ty TNHH Cargill Hưng Yên.			632	48.100.000	
						155		48.100.000
.....
9/1	P XK 0014	9/1	Trị giá vốn hàng xuất cho công ty Xi măng X18			632	105.000.000	
						155		105.000.000
.....
			Cộng				522.887.098.155	522.887.098.155

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng** : là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** : là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) !

2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642, sổ cái TK 641 và các sổ sách có liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.5:(tiếp theo ví dụ 2.1)Ngày 8/1/2015 thuê taxi tải chở hàng cho côngty TNHH Cargill Hưng Yên HD0000120 giá 715.000 đồng (thuế GTGT 10%) đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 641 : 650.000

Nợ TK 133 : 65.000

Có TK 111 : 715.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT0000120(**biểu số 2.9**) kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.12**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.13**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9 : Hóa đơn GTGT số 0000120 ngày 8/1/2015

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: GT/13P																
Ngày 8 tháng 01 năm 2015			Số: 0000120																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VẬN TẢI THÁI ANH.																			
Mã số thuế: 0200551780																			
Địa chỉ: Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền - HP. Điện thoại: 0313.552219																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Trung Kiên																			
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP HẢI PHÒNG																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">5</td> <td style="width: 20px;">4</td> <td style="width: 20px;">5</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">3</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">-</td> <td style="width: 20px;">-</td> <td style="width: 20px;">-</td> <td style="width: 20px;">-</td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	4	5	0	3	2	-	-	-	-
0	2	0	0	5	4	5	0	3	2	-	-	-	-						
Địa chỉ: 263 Trần Nguyễn Hãn - Lê Chân - Hải Phòng.																			
Hình thức thanh toán : Tiền mặt. Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Vận chuyển hàng Hải Phòng - Hưng Yên.	lượt	1	650.000	650.000														
Cộng tiền hàng					650.000														
Thuế GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT	65.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					715.000														
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm mười lăm ngàn đồng./.																			
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị															
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10 : Phiếu chi ngày 8/1/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Nợ 642
Nợ 133
Có 1111

Số : 24

Ngày 8 tháng 1 năm 2015

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Trung Kiên

Địa chỉ : Tổ kho

Lý do nộp : Thanh toán cước vận chuyển hàng cho công ty Cargill Hưng Yên

Số tiền : **715.000** (viết bằng chữ)**Bảy trăm mười lăm nghìn đồng.**

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc.

Ngày 8 tháng 1 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

**Người nhận
tiền**

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.6: Ngày 9/2/2015: Thanh toán cước viễn thông cho phòng hành chính tháng 1 theo HĐGTGT số 3509279 (biểu số 2.11).

Kế toán định khoản :

Nợ TK 642:794.360

Nợ TK 133: 79.436

Có TK 111:837.796

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.13**), sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.14**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11: Hóa đơn cước viễn thông tháng 11/2015 phòng kinh doanh

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)	Mẫu số : 01GTKT3/001				
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)	Kí hiệu :AA/15P				
(liên 2: Giao cho người mua)	Số :3509279				
Ngày 09/02/2015					
Mã số thuế: 0200287977					
Đơn vị: Viễn thông Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng					
Điện thoại (04)33502782					
Tên đơn vị(Customer's name): Công ty Cổ Phần Bao Bì PP					
Địa chỉ: 263 Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, thành phố Hải Phòng.					
Mã số thuế: 0200545032					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Dịch vụ sử dụng (KIND OF SERVICE)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kì cước tháng 1//2015				794.360
		Cộng tiền hàng			794.360
	Thuế suất GTGT : 10%	% Tiền thuế GTGT			79.436
		Tổng cộng tiền thanh toán			837.796
	Số tiền ghi bằng chữ	Tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng./.			

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12 : Phiếu chi ngày 9/2/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Nợ 642
Nợ 133
Có 1111

Số : 40

Ngày 9 tháng 2 năm 2015

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Ngọc Anh

Địa chỉ : Thủ quỹ

Lý do nộp : Thanh toán cước viễn thông phòng hành chính tháng 1/2015.

Số tiền : **837.796** (viết bằng chữ) **Tám trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng.**

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc.

Ngày 9 tháng 2 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

**Người nhận
tiền**

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13 : Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
.....
8/1	PC24	8/1	Thanh toán cước vận chuyển hàng cho công ty Cargill Hưng Yên			641	650.000	
						133	65.000	
						111		715.000
.....	
9/2	PC40	9/2	Thanh toán cước viễn thông tháng 1/2015			642	794.360	
						133	79.436	
						111		837.796
			Cộng				522.887.098.155	522.887.098.155

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14 : Trích sổ cái tài khoản 642 :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
.....
9/2	PC40	9/2	Thanh toán cước viễn thông tháng 1/2015	1111	794.360	
.....
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		7.941.633.613
			Cộng SPS		7.941.633.613	7.941.633.613
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15 : Trích sổ cái tài khoản 641 :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
.....
8/1	PC25	8/1	Thanh toán cước vận chuyển hàng cho công ty Cargill Hưng Yên	111	650.000	
.....
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		5.429.672.548
			Cộng SPS		5.429.672.548	5.429.672.548
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán:

Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515,112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong kì có phát sinh chi phí lãi vay từ ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Hải Phòng.

Chứng từ kế toán sử dụng :

- Giấy báo nợ, sổ phụ của ngân hàng, ủy nhiệm chi.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng :

- Tài khoản Chi phí lãi vay 635

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 635 và các sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán:

Căn cứ vào giấy báo Nợ của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 635 và 112. Cuối kì kế toán kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.8 : Ngày 19/6/2015, Công ty nhận giấy báo nợ thông báo tiền lãi vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Hải Phòng số tiền: 2.771.424 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 635: 2.771.424

 Có TK 112: 2.771.424

Căn cứ vào Giấy báo Nợ của ngân hàng TMCP Ngoại thương (**biểu số 2.17**). Kê toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.18**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.19**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17: Giấy báo Nợ

NGAN HANG TMCP Ngoai thuong	GIAY BAO NO	Ma GDV:
Chi nhanh: Vietcombank Van Cao - Hai Phong	Ngày: 19-6-2015	Ma KH: 367413
		So GD: 60

Kính gửi: CTY CO PHAN BAO BI PP HAI PHONG
 Ma so thue: 0200545032

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 0031000168842

Số tiền bằng số: 2.771.424 VND

Số tiền bằng chữ: HAI TRIEU BAY TRAM BAY MUOI MOT NGAN BON
TRAM HAI MUOI TU DONG.

Nội dung: #Thu lai vay#

Giao dịch viên

Kiểm soát

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18 : Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
.....
17/6	GBC67	17/6	Lãi tiền gửi NH Vietcombank			112	1.250.000	
						515		1.250.000
.....
19/6	GBN60	19/6	Trả lãi vay NH Vietcombank			635	2.771.424	
						112		2.771.424
.....
			Cộng				522.887.098.155	522.887.098.155

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19 : Trích sổ cái tài khoản 515 :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính : VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
.....
17/6	GBC 67	17/6	Lãi tiền gửi NH Vietcombank	112		1.250.000
.....
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	80.379.128	
			Cộng SPS		80.379.128	80.379.128
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20 : Trích sổ cái tài khoản 635 :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Đơn vị tính : VND

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
.....
19/6	GBN 60	19/6	Trả lãi vay NH Vietcombank	112	2.771.424	
.....
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí động tài chính	911		13.371.306.161
			Cộng SPS		13.371.306.161	13.371.306.161
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

2.2.6. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác.

2.2.6.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác :

- Chứng từ sử dụng
Hóa đơn GTGT
Phiếu thu, phiếu chi,..
- Tài khoản sử dụng
TK 711:” Thu nhập khác”

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 711

2.2.6.2. Kế toán chi phí hoạt động khác :

- Chứng từ sử dụng
Hóa đơn GTGT
Phiếu thu, phiếu chi,..
- Tài khoản sử dụng
TK 811:” Chi phí khác”

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 811

Ví dụ 2.9 : Ngày 30/6 công ty nhượng bán 01 chiếc xe oto, giá bán ghi trên hóa đơn là 110.000.000 đồng (thuế GTGT 10%) .Biết TSCĐ này có nguyên giá là 200.000.000 đồng, khấu hao hết 70.000.000 đồng. Chi phí phát sinh do nhượng bán đã thanh toán bằng tiền mặt là 5.250.000 đồng (thuế GTGT 5%).

Kế toán định khoản :

a. Nợ TK 214: 70.000.000	b. Nợ TK 811: 5.000.000	c. Nợ TK 112 : 110.000.000
Nợ TK 811: 130.000.000	Nợ TK 133: 250.000	Có TK 711: 100.000.000
Có TK 211: 200.000.000	Có TK 111: 5.250.000	Có TK 3331 : 10.000.000

Căn cứ vào Biên bản thanh lý tài sản cố định ngày 30/6 (**biểu số 2.21**) và HĐGTGT số 0005223 (**biểu số 2.22**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.23**) từ nhật ký chung vào sổ cái 711 (**biểu số 2.24**) và sổ cái 811 (**biểu số 2.25**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21 : Biên bản thanh lý tài sản ngày 30/6/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP 263 Trần Nguyên Hãn - HP MST : <u>0200545032</u>	Mẫu số : S02-DN <i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC</i> <i>Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)</i>
BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	
	Số : 030 Nợ : 214, 811 Có : 211
Căn cứ Quyết định số : 20/QĐ-HAIPACPP ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty cổ phần bao bì PP Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.	
I. Ban thanh lý TSCĐ gồm: Ông/Bà: <i>Trần Thế Cường</i> . Chức vụ : <i>Giám đốc</i> . Đại diện <i>Công ty</i> . Trưởng ban Ông/Bà: <i>Trần Mỹ Linh</i> . Chức vụ : <i>Kế toán</i> . Đại diện <i>Phòng kế toán</i> . Ủy viên Ông/Bà: <i>Ngô Sĩ Liên</i> . Chức vụ : <i>Thủ kho</i> . Đại diện <i>Kho số 01</i> . Ủy viên	
II. Tiến hành thanh lý TSCĐ: - Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ : <i>Xe tải THACO OLLIN345 2.4 TẤN</i> - Số hiệu TSCĐ: <i>THACO 2.4</i> - Nước sản xuất (xây dựng) : <i>Lắp ráp tại Việt Nam</i> - Năm sản xuất : <i>2010</i> - Năm đưa vào sử dụng : <i>2012</i> . Số thẻ TSCĐ : - Nguyên giá TSCĐ : <i>200.000.000 đồng</i> - Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : <i>130.000.000 đồng</i> - Giá trị còn lại của TSCĐ : <i>70.000.000 đồng</i>	
III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ: Tài sản được giao cho ông Ngô Sĩ Liên chịu trách nhiệm bán với giá là 100.000.000 đồng.	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 Trưởng ban thanh lý <i>(Ký, họ tên)</i>
IV. Kết quả thanh lý TSCĐ: - Chi phí thanh lý TSCĐ : 5.250.000 (viết bằng chữ) Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng. - Giá trị thu hồi : 70.000.000 (viết bằng chữ) Bảy mươi triệu đồng. - Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2015.	
Giám đốc <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22 : Hóa đơn GTGT số 0005223 ngày 30/6/2015

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: GT/13P Số: 0005523													
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP Hải Phòng. Mã số thuế: 0200545032 Địa chỉ: 263 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân - HP. Điện thoại: 0313.856 268 Số tài khoản: 0031000168842 Ngân hàng Vietcombank.														
Họ tên người mua hàng: Lê Văn Mạnh Tên đơn vị: CÔNG TY VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG. Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; text-align: center;">-</td></tr></table> Địa chỉ: Hình thức thanh toán : Chuyển khoản. Số tài khoản: 710A-00018 Ngân hàng Công thương		0	2	0	0	1	3	3	8	9	6	-	-	-
0	2	0	0	1	3	3	8	9	6	-	-	-		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền									
1	2	3	4	5	6=5x4									
1	Thanh lý xe oto	cái	1	100.000.000	100.000.000									
Cộng tiền hàng					100.000.000									
Thuế GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT	10.000.000									
Tổng cộng tiền thanh toán					110.000.000									
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng chẵn./.														
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị												
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)												
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)														

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23 : Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	ST T dòn g	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
.....
30/6	HĐGT GT 00052 23	30/6	Nhượng bán 01 chiếc xe oto			214	70.000.000	
						811	130.000.000	
						211		200.000.000
						811	5.000.000	
						133	250.000	
						111		5.250.000
						112	110.000.000	
						711		100.000.000
		3331		10.000.000				
.....
			Cộng				522.887.098.155	522.887.098.155

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24 : Trích sổ cái tài khoản 711 :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
.....
30/6	BBTL 030	30/6	Nhượng bán 01 chiếc xe oto	112		100.000.000
.....
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	225.000.000	
			Cộng SPS		225.000.000	225.000.000
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25 : Trích sổ cái tài khoản 811 :

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 811 - Chi phí khác

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
30/6	BBTL	30/6	Nhượng bán 01 chiếc xe oto	211	130.000.000	
				111	5.000.000	
.....
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		88.083.468
			Cộng SPS		88.083.468	88.083.468
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó :

Kết quả hoạt động kinh doanh :

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Kết quả hoạt động khác :

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

2.2.7.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng : Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng :

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Sổ sách sử dụng : Sổ cái TK 911, 821. 4212...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.10: Xác định kết quả kinh doanh năm 2015:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	279.650.334.964
- Doanh thu hoạt động tài chính	80.379.128
- Thu nhập khác	225.000.000
- Giá vốn hàng bán	253.835.650.175
- Chi phí tài chính	658.192.455
- Chi phí bán hàng	5.429.672.548
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.941.633.613
- Chi phí khác	88.083.468

Kết quả kinh doanh = 279.650.334.964 + 80.379.128 + 225.000.000 -
253.835.650.175 - 253.835.650.175 - 658.192.455 - 5.429.672.548 -
7.941.633.613 - 88.083.468 = **12.002.481.833**

⇒ Trong năm 2015 doanh nghiệp kinh doanh lãi: **12.002.481.833**

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 32, 33, 34, 35, 36 (**Biểu số 2.25, 2.26, 2.27, 2.28, 2.29**)

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.30**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.31**), sổ cái TK 821 (**Biểu số 2.32**), sổ cái TK 421 (**Biểu số 2.33**).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	279.650.334.964
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	80.379.128
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	225.000.000
	Cộng			279.955.714.092

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP**

MST : 0200545032

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	253.835.650.175
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	658.192.455
3	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	642	5.429.672.548
4	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	944	641	7.941.633.613
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	88.083.468
	Cộng			267.953.232.259

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	8211	3334	2,640,546,003
	Cộng			2,640,546,003

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	911	8211	2,640,546,003
	Cộng			2,640,546,003

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 36

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	9,361,935,830
	Cộng			9,361,935,830

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.29 : Trích Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP
MST : 0200545032

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
.....
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng			511	279.650.334.964	
					911		279.650.334.964	
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	80,379,128	
					911		80,379,128	
		Kết chuyển thu nhập khác			711	225.000.000		
					911		225.000.000	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	253.835.650.175	
					632		253.835.650.175	
			Kết chuyển chi phí tài chính			911	658.192.455	
					635		658.192.455	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911	5.429.672.548	
					642		5.429.672.548	
		Kết chuyển chi phí bán hàng			911	7.941.633.613		
					641		7.941.633.613	
		Kết chuyển chi phí khác			911	88.083.468		
					811		88.083.468	
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN			8211	2,640,546,003	
						3334		2,640,546,003
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	2,640,546,003	
						8211		2,640,546,003
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh			911	9,361,935,830	
						421		9,361,935,830
			Cộng				522.887.098.155	522.887.098.155

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.30 : Sổ cái tài khoản 911

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		279.650.334.964
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		88.083.468
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		225.000.000
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	253.835.650.175	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	658.192.455	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	5.429.672.548	
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	641	7.941.633.613	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	88.083.468	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	8211	2.640.546.003	
31/12	PT36	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	9.361.935.830	
			Cộng SPS		279.955.714.092	279.955.714.092
			<u>Dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.31 : Sổ cái tài khoản 821

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyễn Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính : VND

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	2.640.546.003	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		2.640.546.003
			Cộng SPS		2.640.546.003	2.640.546.003
			<u>Dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.32 : Sổ cái tài khoản 421

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP
263 Trần Nguyên Hãn - HP

MST : 0200545032

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính : VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			<u>8.223.554.235</u>
			Số phát sinh			
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lãi	911		9.361.935.830
			Cộng SPS			9.361.935.830
			<u>Dư cuối kỳ</u>		-	17.585.490.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, 2015)

Chương 3 :

**GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY**

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng :

3.1.1. Ưu điểm :

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp.
Ưu điểm :

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của công ty có 4 người bao gồm một kế toán trưởng, kiêm kế toán tổng hợp, một thủ quỹ, một kế toán kho, một kế toán công nợ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán :

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

- Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

- Về hạch toán doanh thu : Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

- Về hạch toán chi phí : Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời.
- Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh : Cuối năm, công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Nhược điểm :

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về việc chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Thứ hai, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng trả nợ trước thời hạn.

Thứ ba, về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:
Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng.

3.3.1. Giải pháp 1: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán mở chi tiết cho từng loại mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng X} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng X}$$

3.3.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán :

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng.

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán nhiều hơn nữa, bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

+ Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể kham khảo của một số doanh nghiệp cùng khối ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả trước nợ và tỉ lệ lãi suất ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

+ Phương pháp hạch toán:

○ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

○ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày : 1%/tháng

Ví dụ minh họa: Ngày 16/06/2015, bán bao bì kraft cho công ty TNHH CARGILL VIỆT NAM tại Hưng Yên tổng số tiền là 180.738.250 đồng (bao gồm VAT 10%). Thời hạn thanh toán là 16/07/2015. Đến ngày 06/07/2015, khách hàng thanh toán hết tiền hàng bằng chuyển khoản.

Từ ví dụ trên, vậy công ty TNHH CARGILL VIỆT NAM tại Hưng Yên đã thanh toán sớm 10 ngày, nên được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%.

➤ Số tiền chiết khấu = $0,6\% * 180.738.250 = 1.084.430$ đồng.

Kế toán định khoản như sau:

Chiết khấu thanh toán áp dụng cho khách hàng:

Nợ TK 635: 1.084.430

Có TK 112: 1.084.430

Kết chuyển:

Nợ TK 911: 1.084.430

Có TK 635: 1.084.430

3.3.3. Giải pháp 3: Về việc ứng dụng phần mềm vào công tác kế toán :

Trong nền kinh tế thị trường càng ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phát triển khiến nhu cầu nhận và xử lý thông tin cũng trở nên khó khăn, phức tạp nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức.

Phần mềm kế toán cung cấp nhanh chóng bất cứ thông tin nào về số liệu và báo cáo kế toán, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu đối với các khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như : MISA SME.NET2012, FAST,DMA,ASOFT,METADATA, G9,...

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán như sau :

- Được tiêu chuẩn nhiều lần: phần mềm kế toán được xây dựng dựa trên khối thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành.
- Hiệu quả vượt trội, tính năng cao: phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công. Phần mềm cho phép thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kỳ dựa trên các thông tin khai báo, cũng có thể dễ dàng sửa chữa khi có sai sót.
- Đơn giản, đầy đủ, dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng những có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người sử dụng xem từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất cứ thời điểm nào.
- Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối: Phần mềm kế toán có tính bảo mật rất cao, giúp bảo vệ dữ liệu cho người sử dụng.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại công ty Cổ phần Bao bì PP Hải Phòng, giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn tới thầy giáo - Thạc sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các anh (chị) trong phòng kế toán tại công ty Cổ phần bao bì PP Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn !